



**ISPAE**

**Số Tháng 6/2026**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH  
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

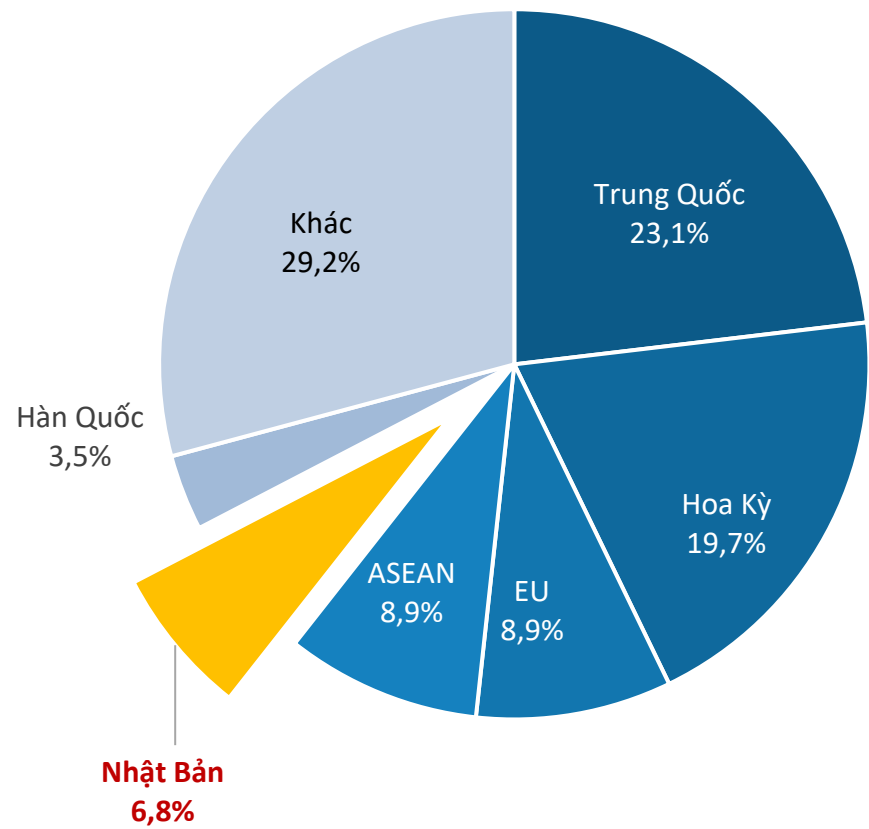
**THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN**

Thực hiện: **AGREINFOS**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 5/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T5/2026

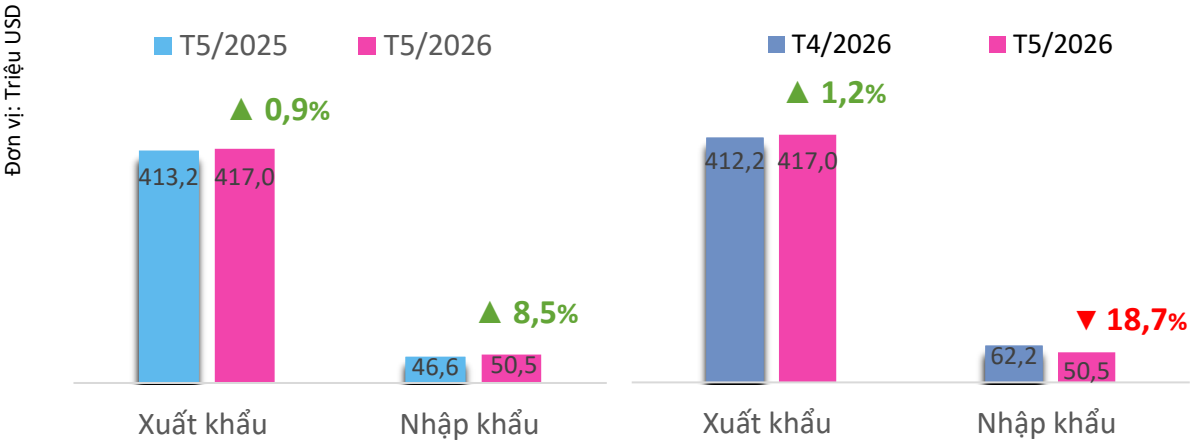


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T5/2026 so với T4/2026 và T5/2025

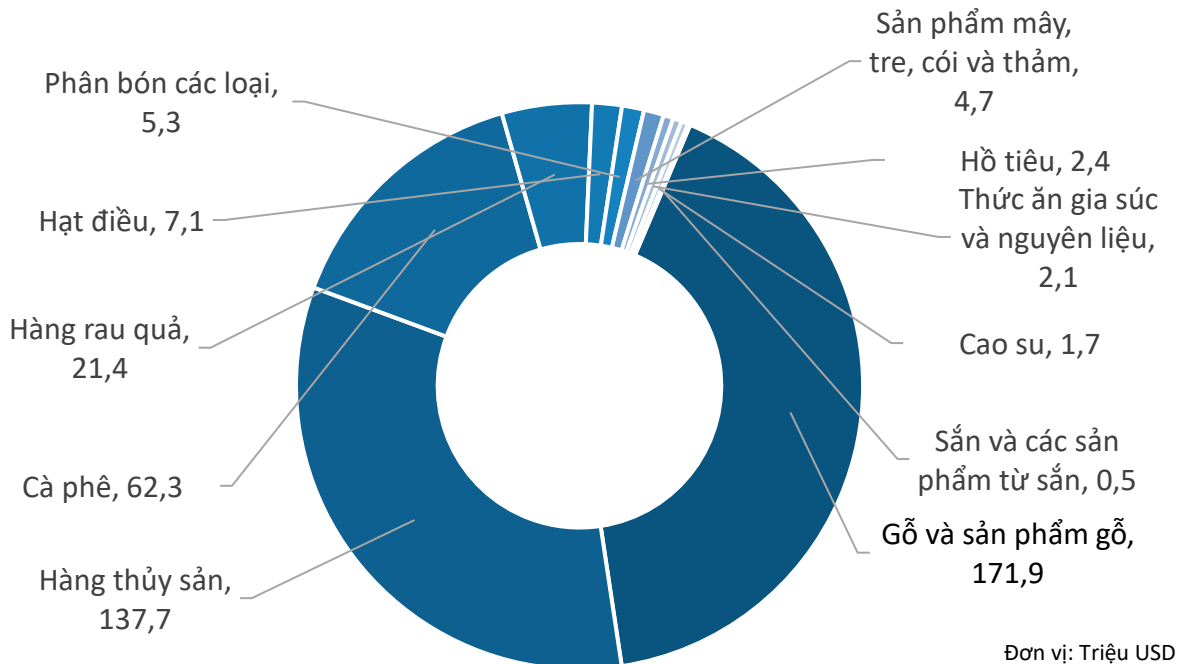
| Thị trường | Giá trị (triệu USD) | So với T4/2026 | So với T5/2025 |
|------------|---------------------|----------------|----------------|
| Trung Quốc | 1.424               | ▲ 3,0%         | ▲ 4,8%         |
| Hoa Kỳ     | 1.214               | ▲ 0,1%         | ▼ 3,5%         |
| EU         | 549                 | ▼ 1,5%         | ▼ 2,3%         |
| ASEAN      | 547                 | ▼ 1,1%         | ▼ 0,4%         |
| Nhật Bản   | 417                 | ▲ 0,3%         | ▲ 0,04%        |
| Hàn Quốc   | 213                 | ▼ 0,2%         | ▲ 0,2%         |
| Tổng XK    | 6.161               |                |                |

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 5/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T5/2026

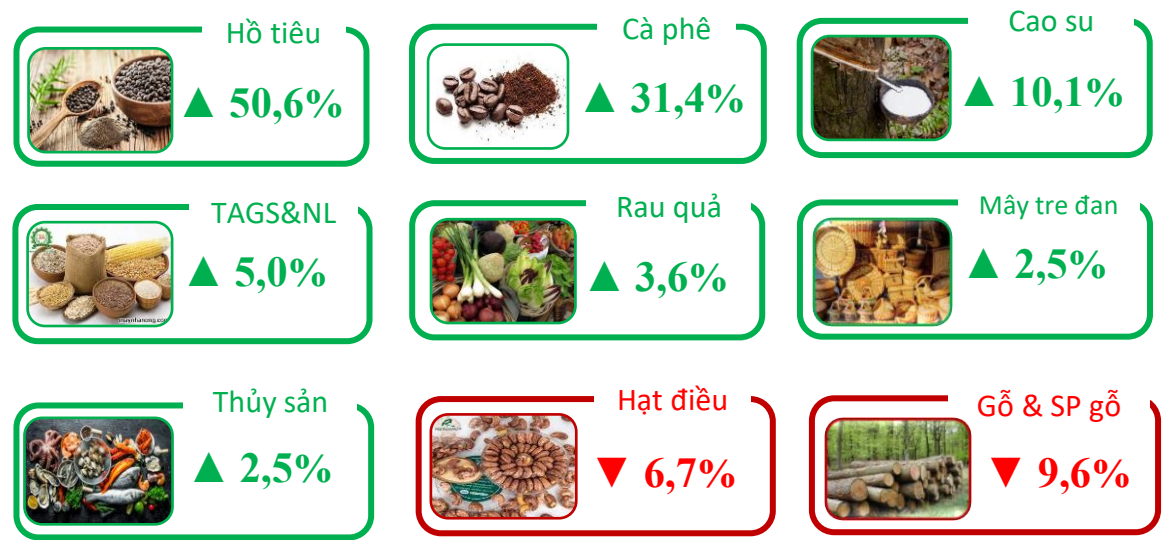


Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T5/2026

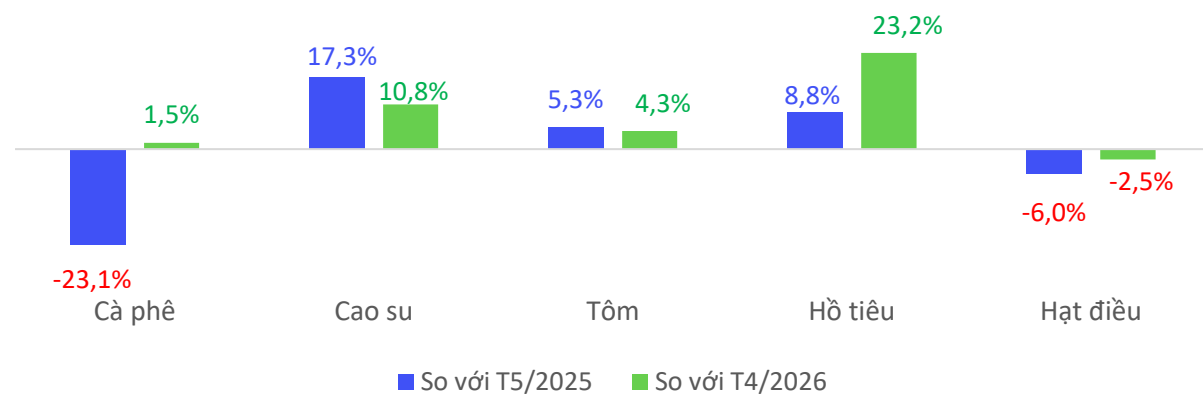


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T5/2026 so với T4/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T5/2026 so với tháng trước và cùng kỳ 2025



## Nhật Bản huy động hơn 370.000 tỉ Yen đầu tư công

Chính phủ Nhật Bản đặt mục tiêu đưa quy mô nền kinh tế lên gần 6.800 tỷ USD (khoảng 1.100 nghìn tỷ Yên) vào năm tài khóa 2040, với tốc độ tăng trưởng trên 3%/năm theo giá hiện hành và trên 1%/năm theo giá so sánh. Để đạt mục tiêu, Nhật Bản sẽ thúc đẩy đầu tư công - tư vào 17 lĩnh vực chiến lược như trí tuệ nhân tạo và bán dẫn, với tổng vốn khoảng 2.290 tỷ

USD (khoảng 370 nghìn tỷ Yên) đến năm và năng lực cạnh tranh quốc gia. 2040.

Riêng khu vực tư nhân được kỳ vọng đầu tư khoảng 1.420 tỷ USD (khoảng 230 nghìn tỷ Yên). Thủ tướng Sanae Takaichi cho rằng Nhật Bản cần thoát khỏi tình trạng thiếu đầu tư kéo dài, đồng thời vẫn phải kiểm soát tài khóa và từng bước giảm tỷ lệ nợ so với quy mô nền kinh tế. Chính sách này sẽ được thông qua vào giữa tháng 7/2026, thể hiện định hướng xây dựng nền kinh tế Nhật Bản mạnh hơn dựa trên đầu tư, công nghệ



Nguồn: japantimes.co.jp

## Ngành thực phẩm Nhật Bản hướng tới thị trường Ấn Độ

Ngành thực phẩm Nhật Bản đang mở rộng sang Ấn Độ để bù đắp sự thu hẹp của thị trường nội địa do dân số già hóa và tiêu dùng giảm. Với quy mô dân số lớn và nhu cầu thực phẩm tăng, Ấn Độ được xem là thị trường tiềm năng cho thực phẩm chế biến, gia vị, công nghệ nông nghiệp, kho lạnh và chuỗi cung ứng của Nhật Bản.

Một số doanh nghiệp Nhật như Kagome và Kikkoman đã bắt đầu phát triển sản phẩm phù hợp với khẩu vị Ấn Độ. Tuy nhiên, để thu hút thêm đầu tư, Ấn Độ cần cải thiện hạ tầng, nguồn nước sạch, chính sách đất đai, thuế và tính minh bạch trong môi trường đầu tư. Đây được kỳ vọng sẽ là hướng hợp tác mới giữa hai nước trong lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp và logistics.



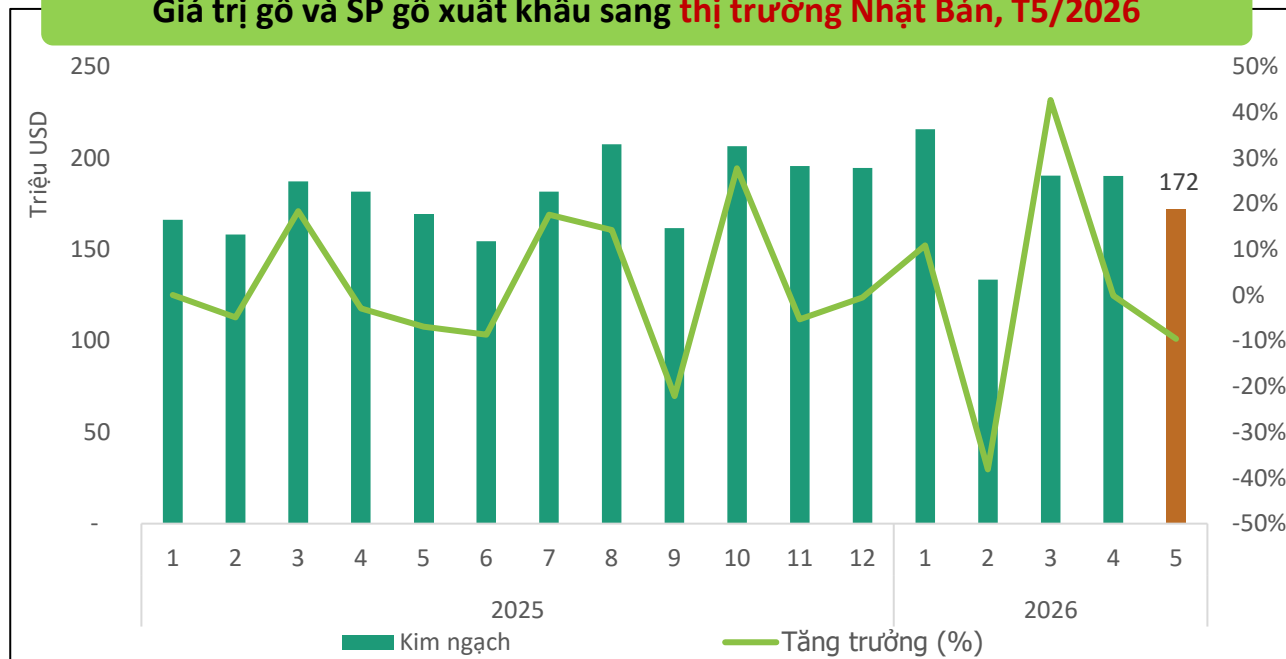
Nguồn: aninews.in





# GỖ VÀ SP GỖ

## Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

### KIM NGẠCH

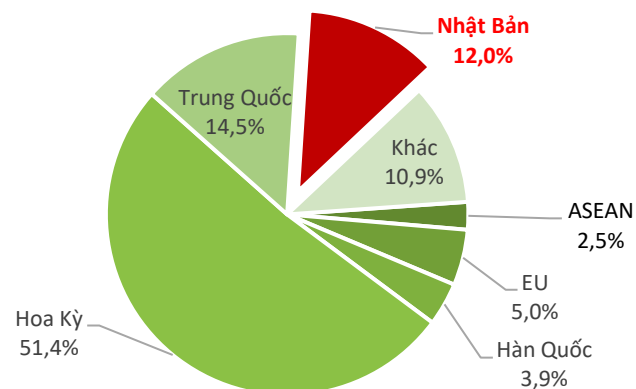


171

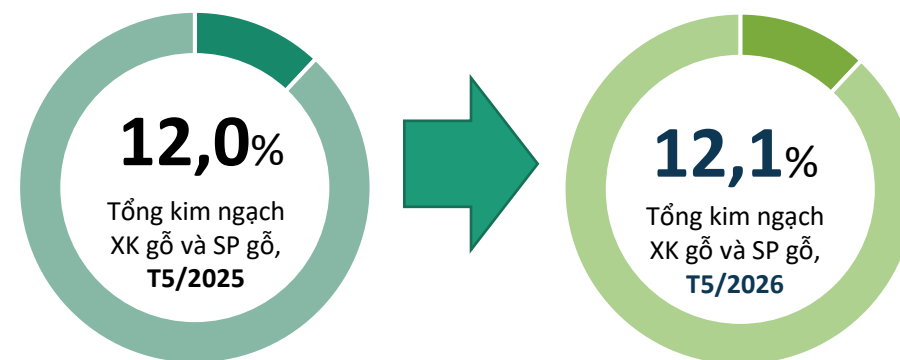
triệu USD

- ↓ Giảm **9,6%** so với T4/2026
- ↗ Tăng **1,6%** so với T5/2025
- ↓ Thấp hơn **8,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 đạt **901,6** triệu USD, đạt **41,6%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T5/2026





# GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Dăm gỗ

Kim ngạch: **106,1** triệu USD

Giảm **9%** so với T4/2026

Giảm **14%** so với T5/2025



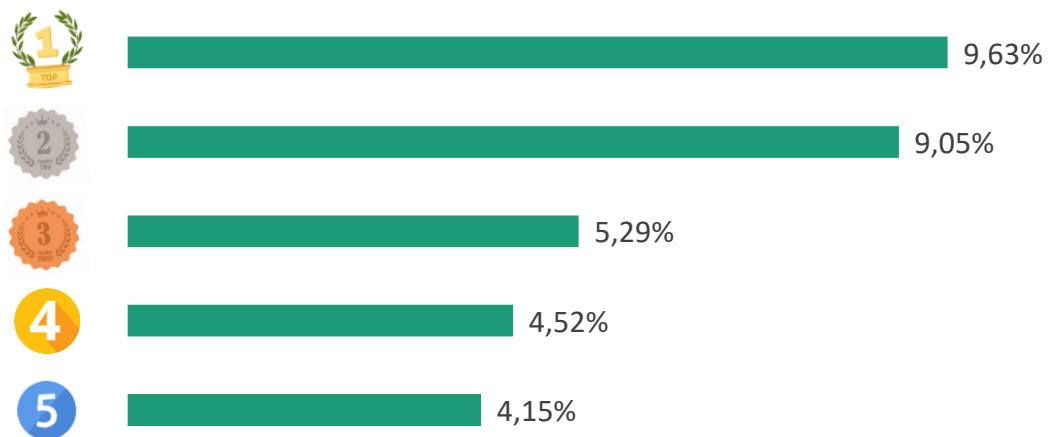
## Gỗ dán

Kim ngạch: **8,9** triệu USD

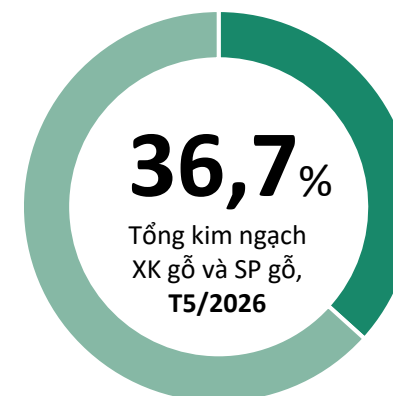
Giảm **9%** so với T4/2026

Tăng **24%** so với T5/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026





# GỖ VÀ SP GỖ

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN



Trong tháng 4/2026, nhập khẩu ván sàn gỗ lắp ghép của Nhật Bản thuộc các mã HS 441871-79 tăng đáng kể so với tháng trước, chấm dứt xu hướng giảm mạnh ghi nhận trong tháng 2 và tháng 3. Trong nhóm này, ván sàn mã HS 441875 tiếp tục là mặt hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất. Trung Quốc là nguồn cung chủ yếu với trị giá đạt 1,27 triệu USD, tiếp theo là Việt Nam 193,33 nghìn USD và Thái Lan 74,53 nghìn USD. Đối với các mã hàng còn lại, Trung Quốc là nguồn cung duy nhất của mã HS 441873 với trị giá 233,91 nghìn USD, đồng thời là nhà cung cấp chính đối với các mã HS 441874 và HS 441879.

Đối với ván ép thuộc nhóm HS 441210-39, tổng khối lượng nhập khẩu của Nhật Bản trong tháng 4/2026 đạt 114.838 m<sup>3</sup>, giảm 7,3% so với mức 123.896 m<sup>3</sup> của tháng trước. Indonesia và Malaysia là hai nguồn cung lớn nhất cho thị trường Nhật Bản, tuy nhiên tổng tỷ trọng của hai nước này giảm xuống còn 72% so với mức 84% trong tháng 3/2026. Ngược lại, nhập khẩu ván ép từ Việt Nam tăng mạnh, tăng 50% so với tháng trước. Đáng chú ý, lượng ván ép nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 13.000 m<sup>3</sup>, mức cao nhất trong vòng 18 tháng.

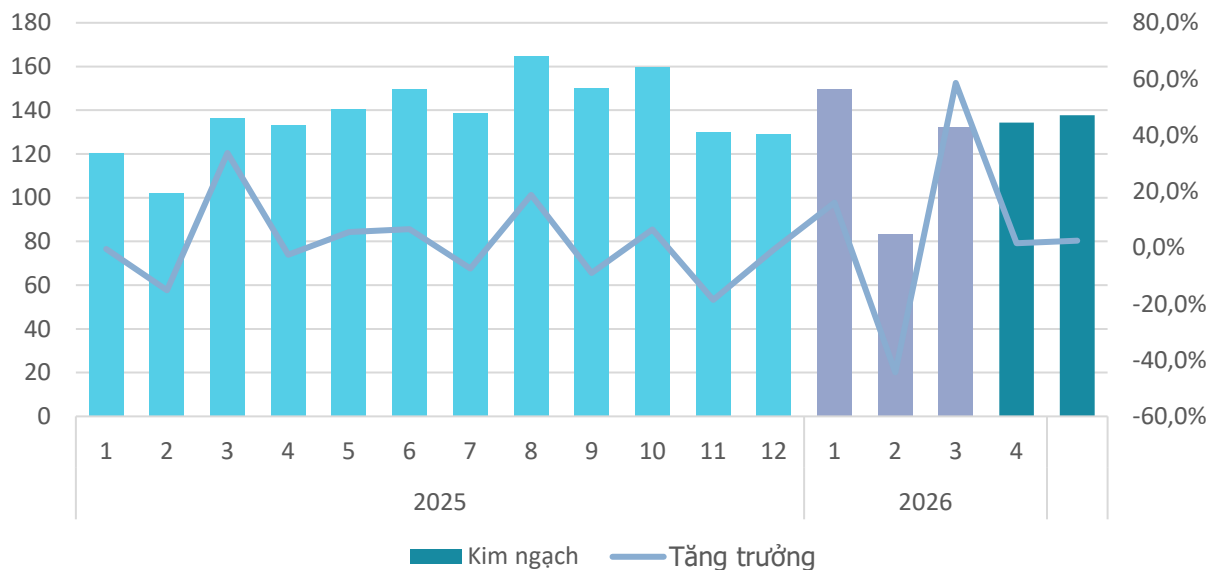


TIN LIÊN QUAN



# THỦY SẢN

## Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

### KIM NGẠCH

**137,7** triệu USD



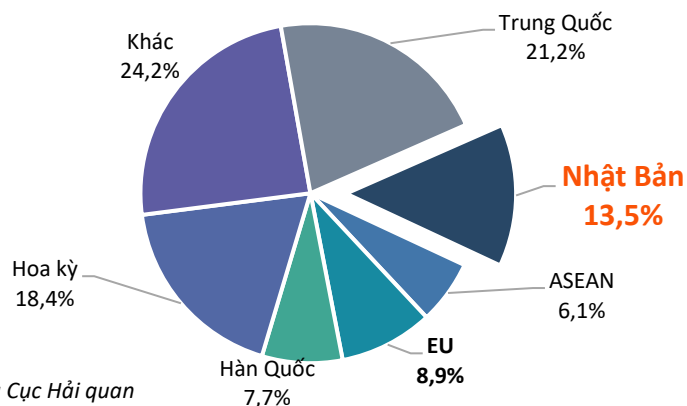
↗ Tăng **2,5%** so với T4/2026

↘ Giảm **2,0%** so với T5/2025

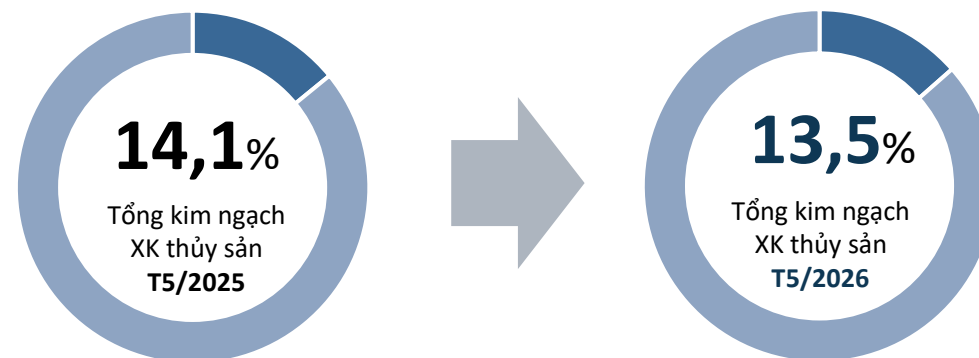
▼ Thấp hơn **2,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026 đạt **637,4 triệu USD**, đạt **37,9%** kim ngạch 2025

## Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



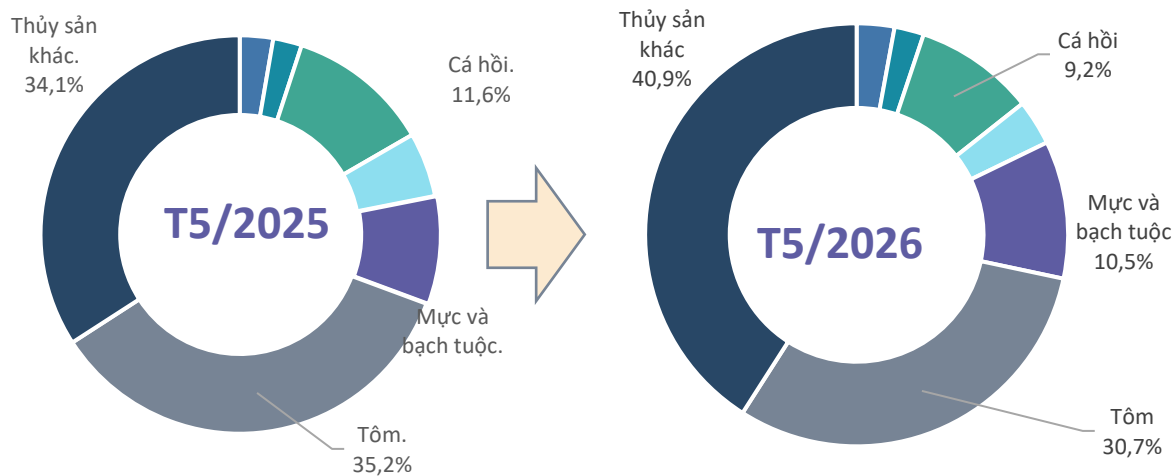
## Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



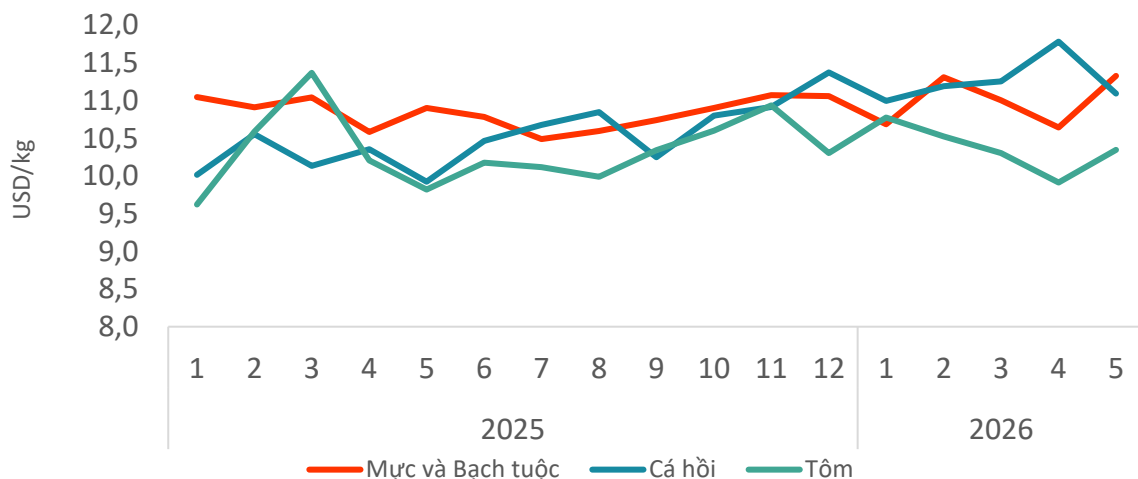


# THỦY SẢN

## Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



### Cá hồi

Kim ngạch: **12,7** triệu USD  
Giảm **24,9%** so với T4/2026  
Giảm **21,9%** so với T5/2025



### Tôm

Kim ngạch: **42,3** triệu USD  
Giảm **4,6%** so với T4/2026  
Giảm **12,9%** so với T5/2025



### Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **14,5** triệu USD  
Giảm **0,9%** so với T4/2026  
Tăng **18,4%** so với T5/2025

### Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **11,3** USD/kg; **tăng 6,4%** so với tháng trước; và **tăng 3,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

### Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **11,1** USD/kg; **giảm 5,8%** so với tháng trước; và **tăng 11,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

### Tôm

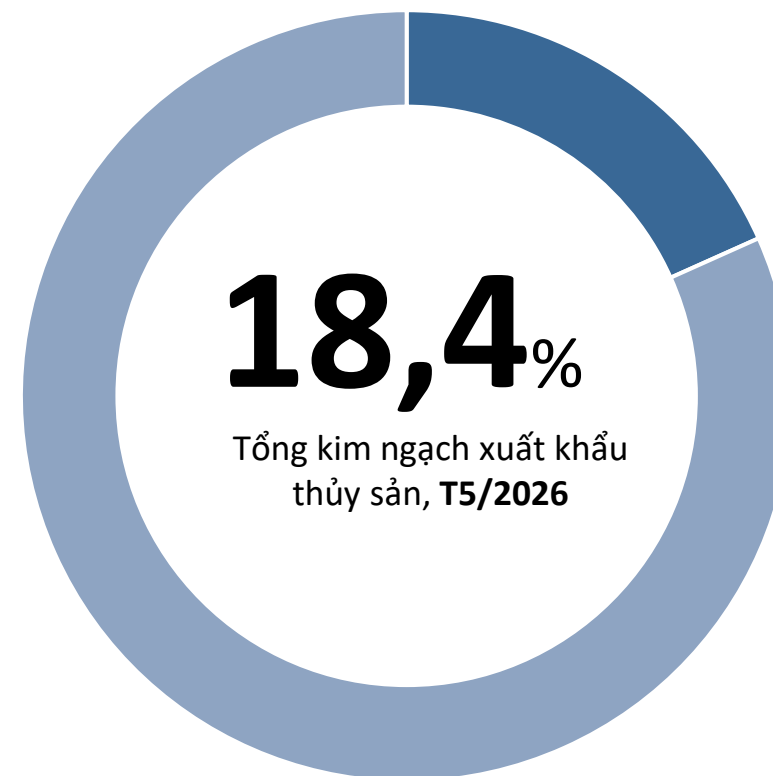
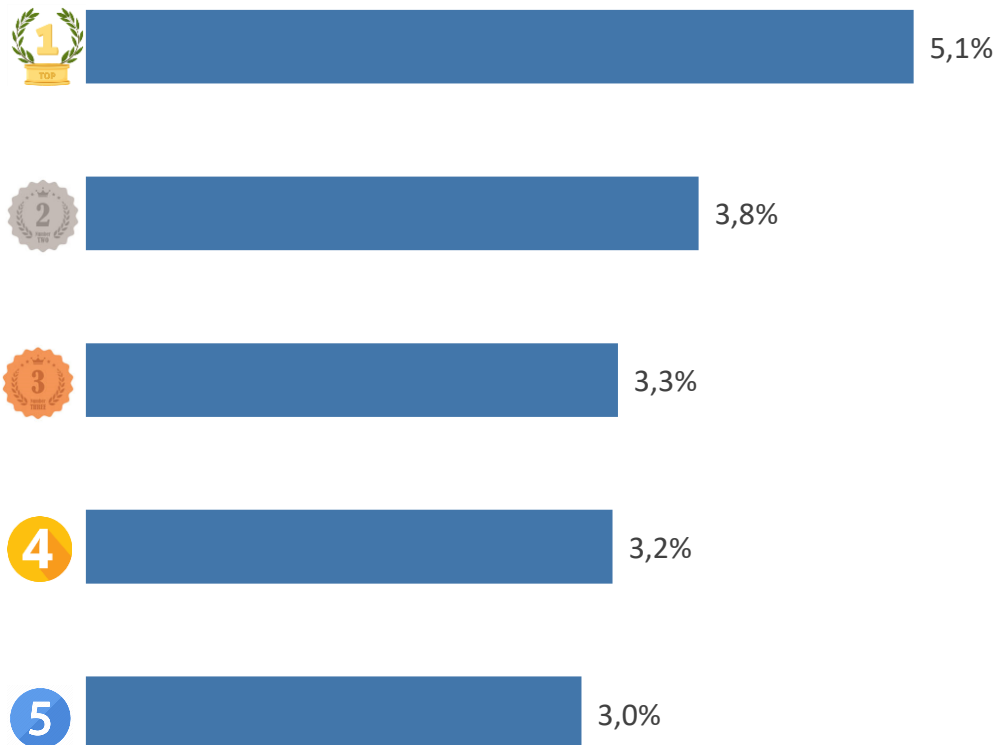
Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **10,3** USD/kg; **tăng 4,3%** so với tháng trước; và **tăng 5,3%** so với cùng kỳ năm 2025.



# THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



### Nga - Nhật Bản đạt thỏa thuận nghề cá mới

Nga và Nhật Bản đã đạt thỏa thuận nghề cá song phương cho năm 2026 sau gần bảy tháng đàm phán, tạo cơ sở để tàu cá hai nước tiếp tục khai thác trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của nhau. Theo kết quả cuộc họp lần thứ 42 của Ủy ban Nghề cá Nhật - Nga ngày 19/6/2026, tổng hạn ngạch khai thác tương hỗ được thống nhất ở mức 19.000 tấn, giảm 3.000 tấn so với năm 2025.

Theo thỏa thuận mới, hạn ngạch cá thu đao Thái Bình Dương và mực bay của đội tàu Nhật Bản trong vùng biển Nga đều giảm, lần lượt xuống 12.959 tấn và 1.810 tấn. Hạn ngạch cá minh thái Thái Bình Dương tăng gần gấp đôi lên 1.600 tấn. Ở chiều ngược lại, hạn ngạch cá thu và cá tuyết của tàu Nga tại vùng biển Nhật Bản giảm, trong khi cá mòi giữ nguyên ở mức 10.000 tấn. Số tàu được cấp phép không đổi, gồm 585 tàu Nhật Bản và 68 tàu Nga. Thỏa thuận này giúp duy trì quyền tiếp cận ngư trường trong mùa khai thác cao điểm, dù hạn ngạch chung tiếp tục bị thu hẹp.

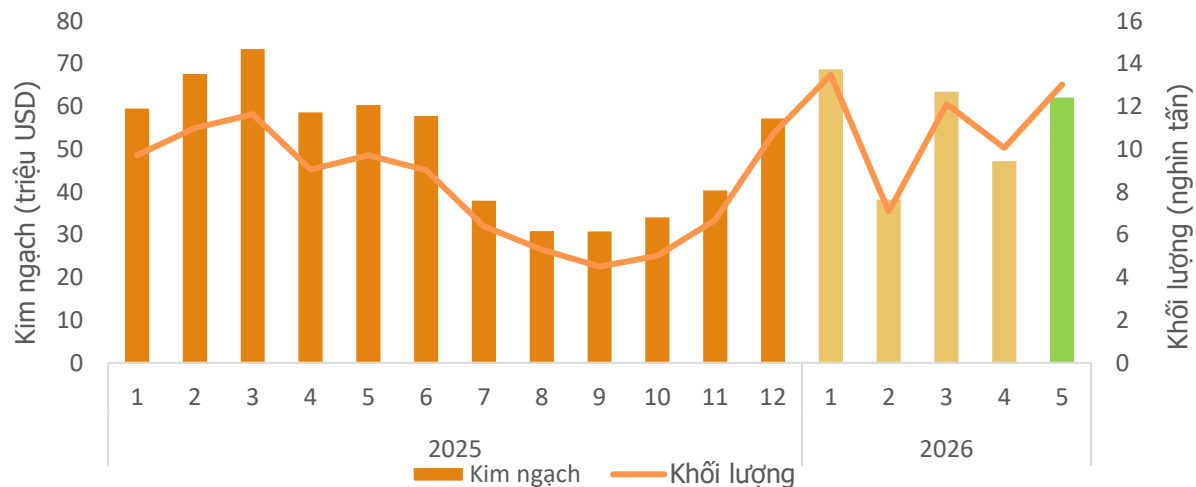
Nguồn: Vasep



Tin liên quan

# CÀ PHÊ

## Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

### KIM NGẠCH

**32,3** triệu USD

➤ Tăng **31,4%** so với T4/2026

➤ Tăng **2,9%** so với T5/2025

➤ Cao hơn **11,4** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 5 tháng năm 2026 đạt **280,8** tr.USD, đạt **45,9%** kim ngạch 2025.

### KHỐI LƯỢNG

**13** nghìn tấn

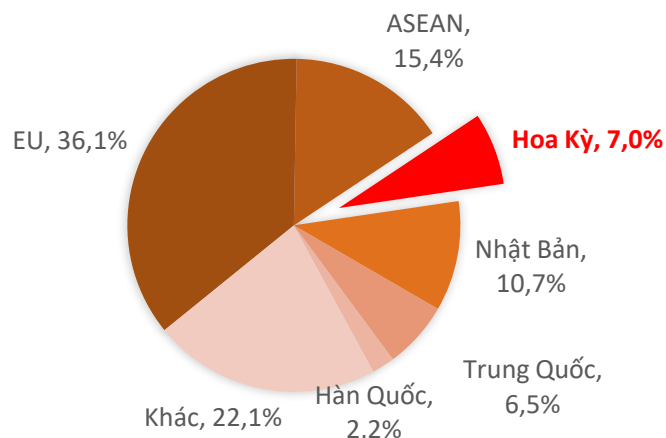
➤ Tăng **29,4%** so với T4/2026

➤ Tăng **33,9%** so với T5/2025

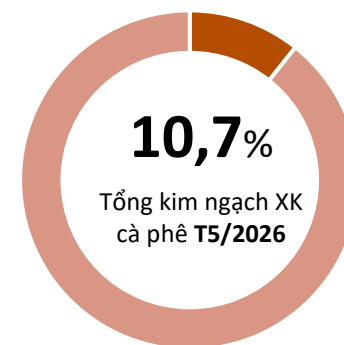
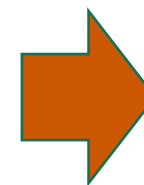
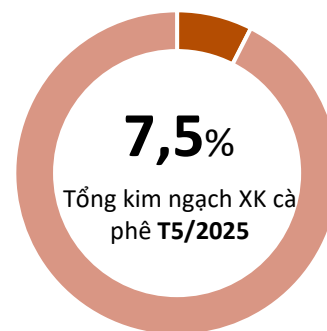
➤ Cao hơn **4,8** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 5 tháng năm 2026 đạt **55,8** nghìn tấn, đạt **56,5%** khối lượng năm 2025.

## Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

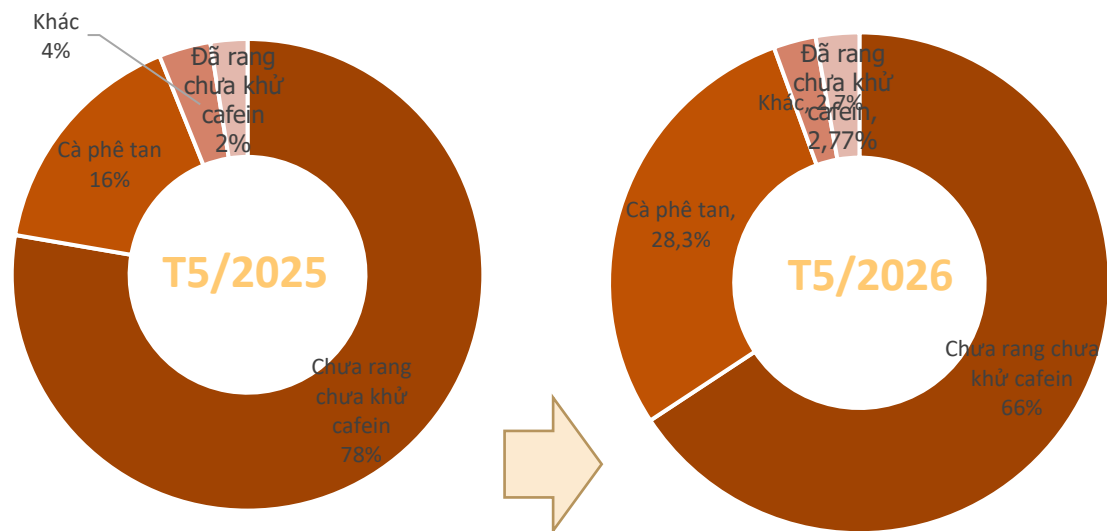


## Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

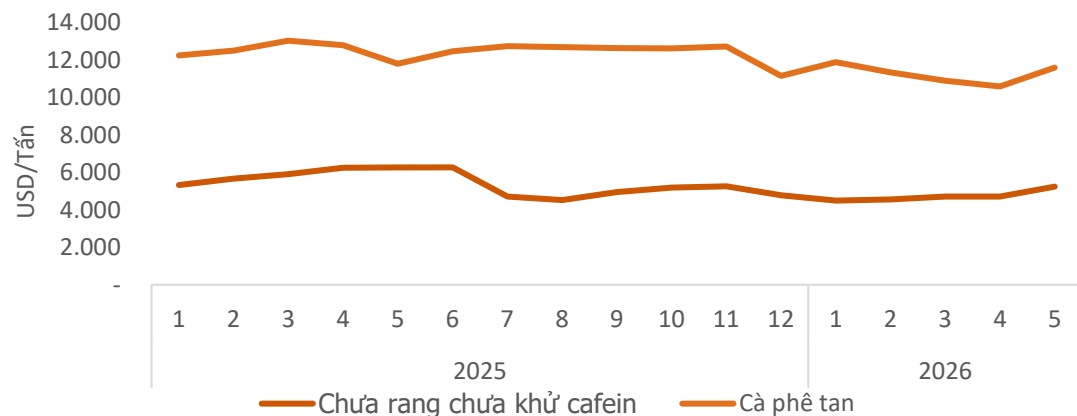


# CÀ PHÊ

## Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



Nguồn: Cục Hải quan

## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



### Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **40,8** triệu USD  
Tăng **24,4%** so với T4/2026  
Giảm **11,2%** so với T5/2025



### Cà phê tan

Kim ngạch: **17,8** triệu USD  
Tăng **69,6%** so với T4/2026  
Tăng **86,1%** so với T5/2025



### Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **1,7** triệu USD  
Giảm **23,5%** so với T4/2026  
Tăng **16,7%** so với T5/2025

### Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **11.596** USD/tấn, **tăng 9,4%** so với tháng trước, và **giảm 1,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

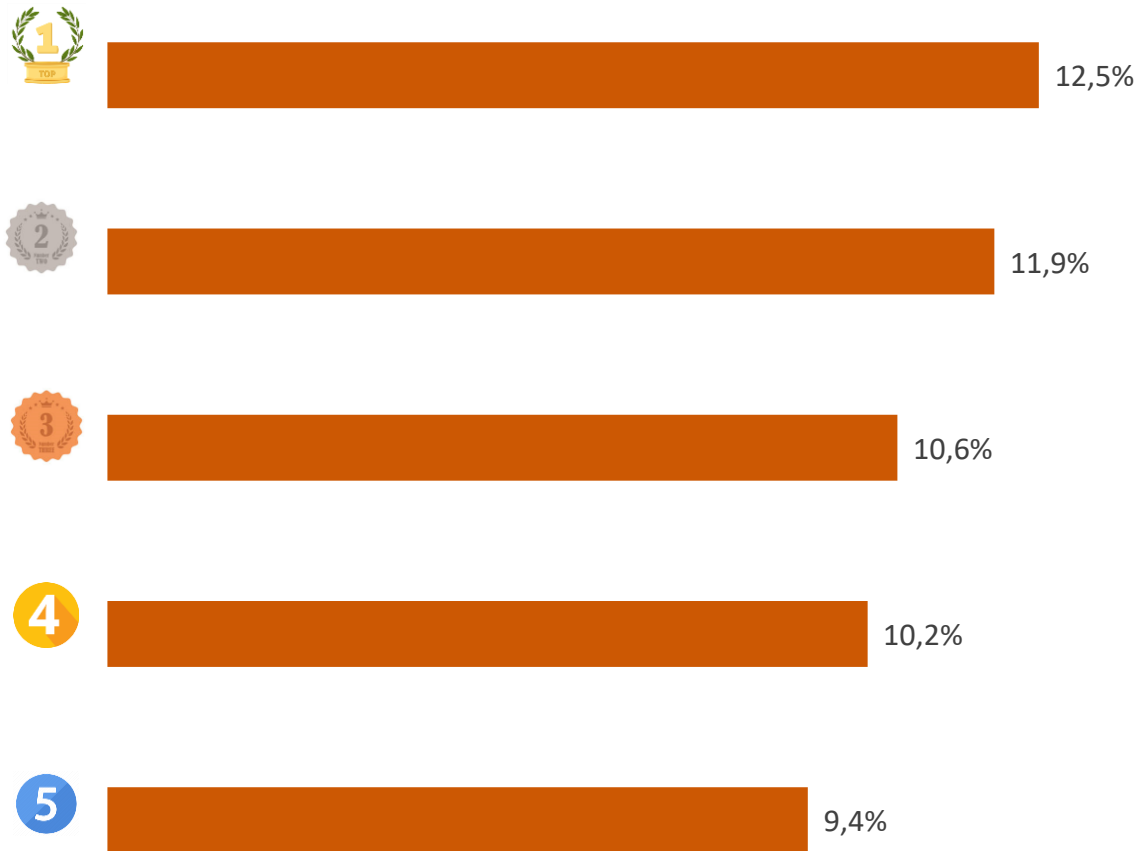
### Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **5.238** USD/tấn; **tăng 11,3%** so với tháng trước, và **giảm 16,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

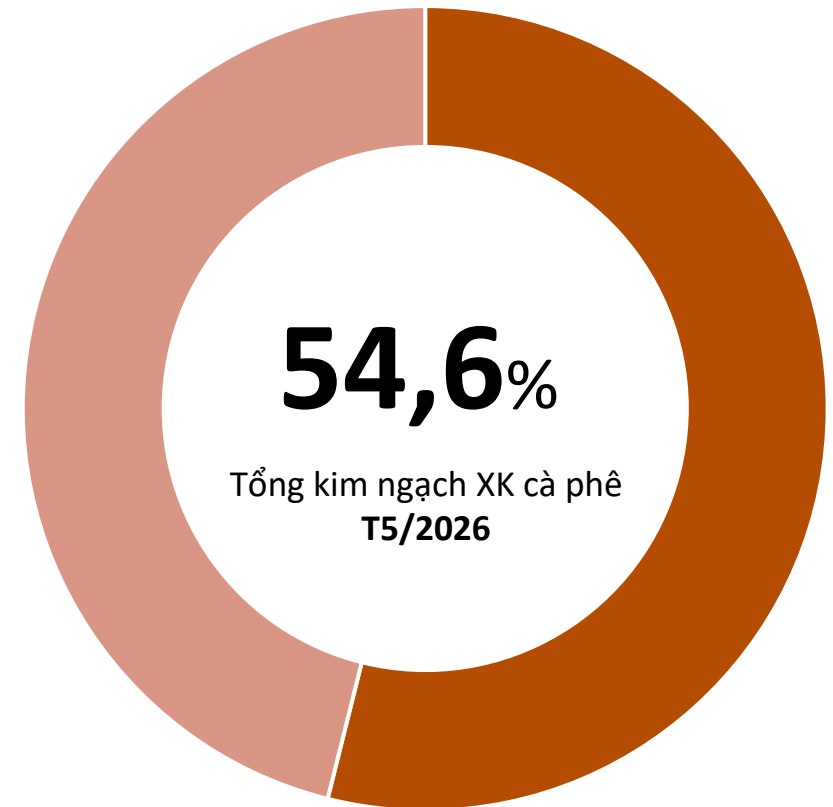


# CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026





Dự trữ cà phê nhân xanh của nước này trong tháng 4 giảm 3,80% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 2,12 triệu bao. So với tháng trước, tổng dự trữ cà phê nhân xanh cũng giảm 2,90%, từ mức 2,19 triệu bao ghi nhận vào cuối tháng 3. Lượng dự trữ nội địa hiện vẫn ở mức thấp trong lịch sử, trong khi thông thường tồn kho cà phê nhân xanh tại Nhật Bản thường vượt mốc 3 triệu bao tại bất kỳ thời điểm nào.

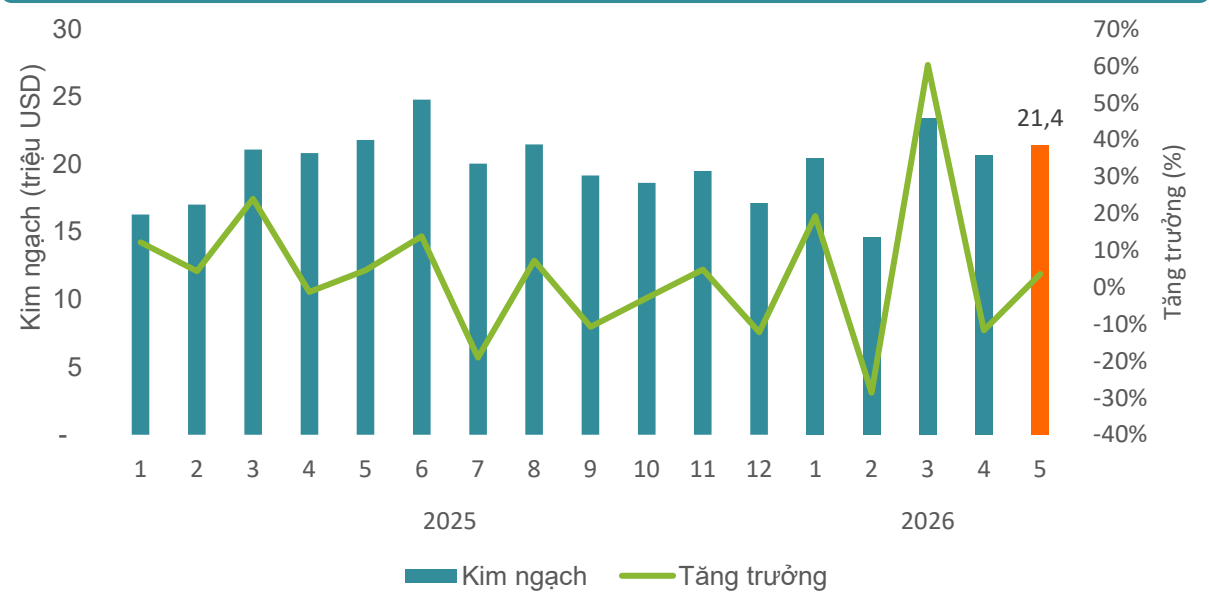
Tình trạng dự trữ thấp xuất phát từ nhiều yếu tố, gồm nguồn cung cà phê giảm theo thời gian, giá cà phê tăng lên mức cao kỷ lục, cùng chi phí lưu kho lớn hơn, khiến các nhà nhập khẩu và rang xay chịu áp lực phải duy trì lượng dự trữ trong nước thấp hơn so với các năm trước.





# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

KIM NGẠCH

21,4  
triệu USD

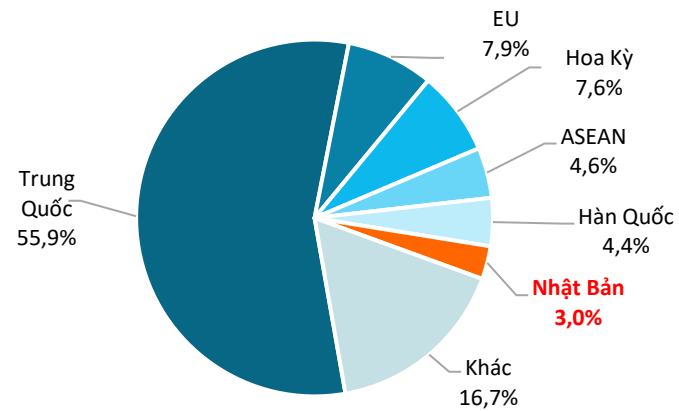
Tăng 3,6% so với T4/2026

Giảm 1,9% so với T5/2025

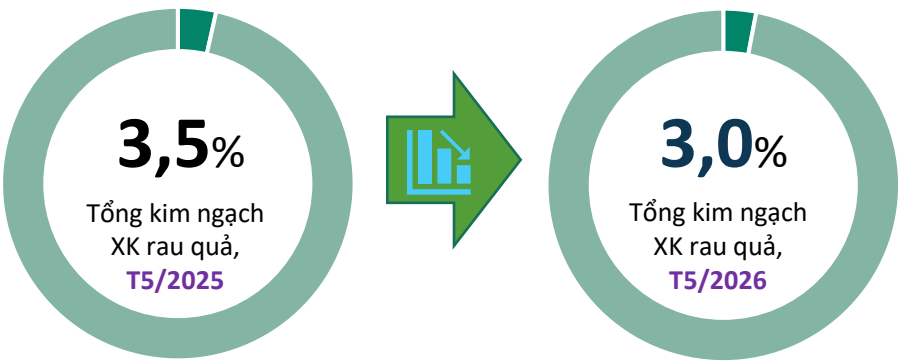
Cao hơn 1,6 triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 5 tháng năm 2026 đạt 100,2 triệu USD, đạt 42,1% kim ngạch 2025

## Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

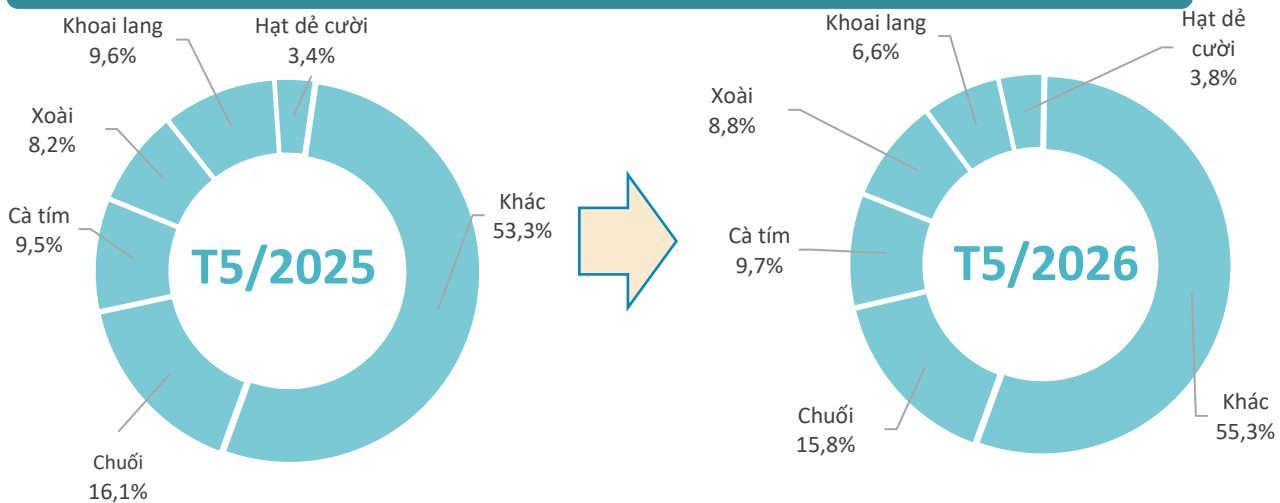


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



### Chuối

Kim ngạch: **3,4** triệu USD

Tăng **6,1%** so với T4/2026

Giảm **3,5%** so với T5/2025



### Cà tím

Kim ngạch: **2,1** triệu USD

Tăng **31,0%** so với T4/2026

Giảm **0,2%** so với T5/2025



### Xoài

Kim ngạch: **1,9** triệu USD

Tăng **13,0%** so với T4/2026

Tăng **5,6%** so với T5/2025



### Khoai lang

Kim ngạch: **1,4** triệu USD

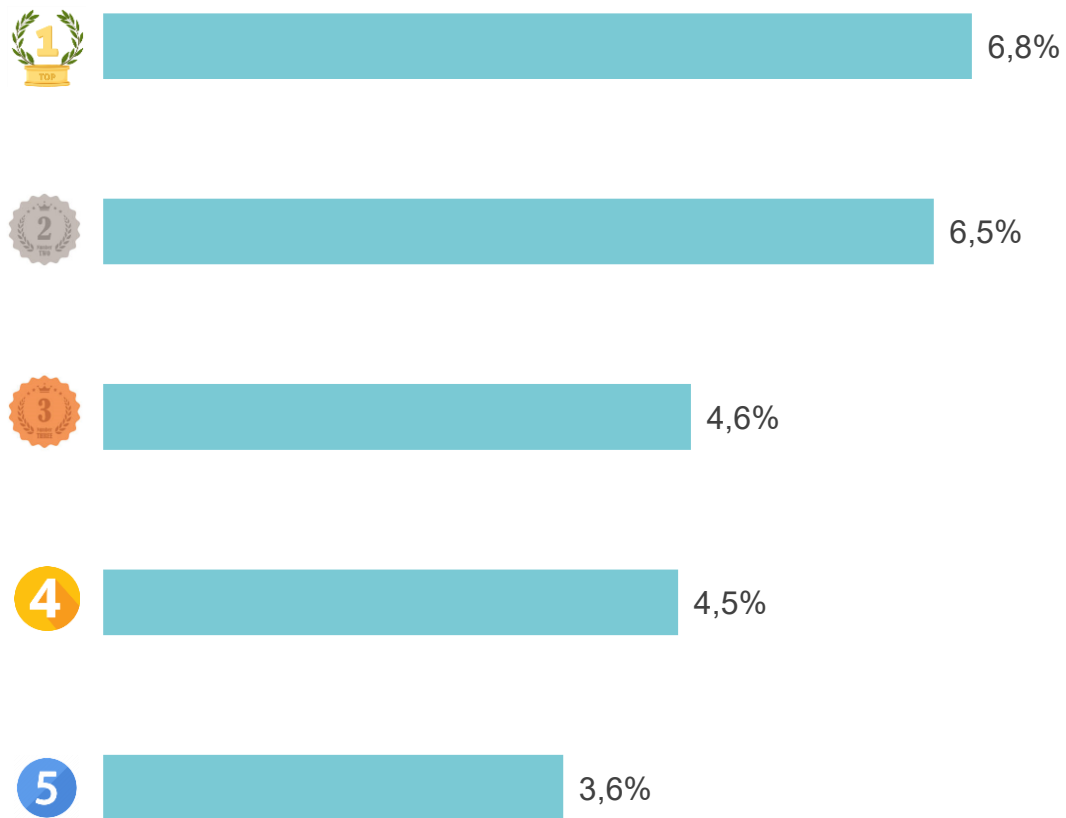
Giảm **32,5%** so với T4/2026

Giảm **32,4%** so với T5/2025

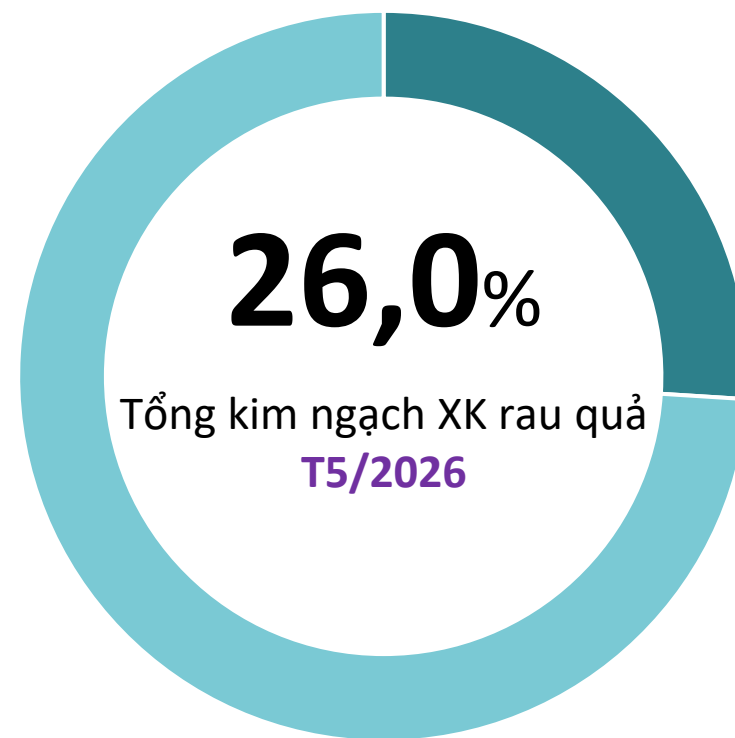


# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang  
thị trường Nhật Bản, T5/2026



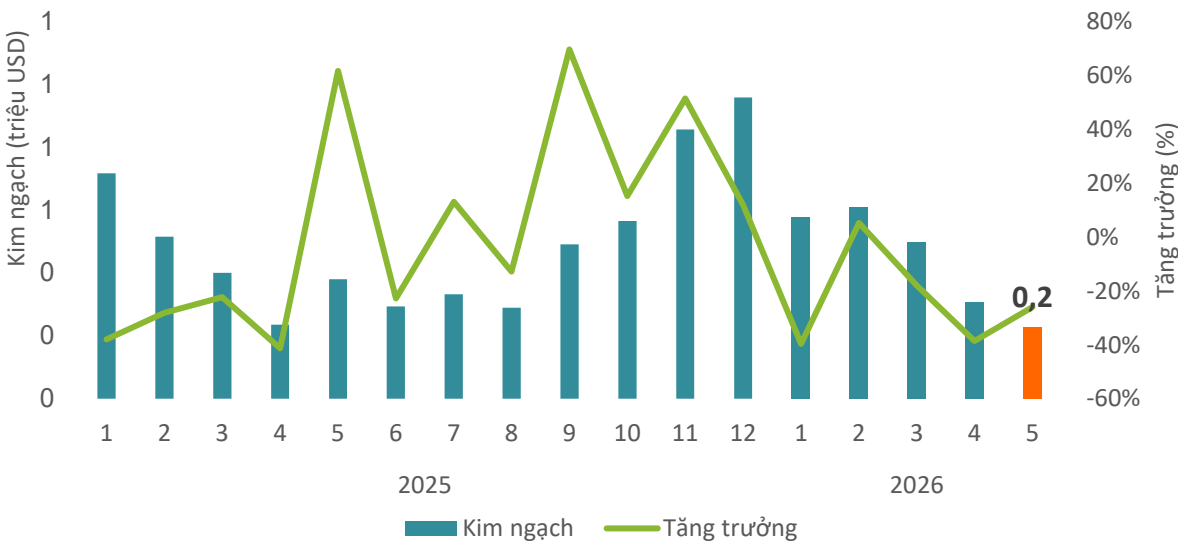
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang  
thị trường Nhật Bản, T5/2026





# RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T5/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T5/2026

KIM NGẠCH



0,2

triệu USD

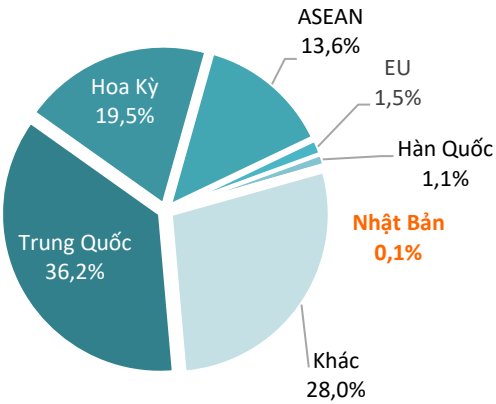
Giảm **26,0%** so với T4/2026

Giảm **40,3%** so với T5/2025

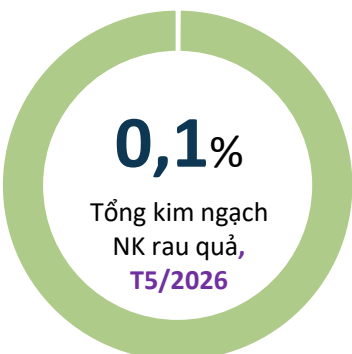
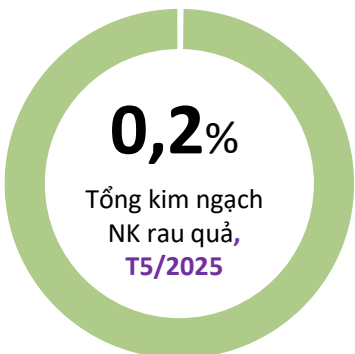
Thấp hơn **276,0 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 5 tháng năm 2026 đạt **2,2 triệu USD**, đạt **36,8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T5/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T5/2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

# Rau quả



Tin liên quan

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN

### Sản lượng thu hoạch mận cao cấp giảm năm thứ ba liên tiếp

Tại tỉnh Wakayama, vùng sản xuất mận lớn nhất Nhật Bản, vụ thu hoạch **mận Nanko** tại thị trấn Minabe đang vào cao điểm nhưng sản lượng tiếp tục giảm năm thứ ba liên tiếp. Nguyên nhân chủ yếu là mùa đông ấm làm ảnh hưởng đến quá trình thụ phấn, cùng với thiệt hại do mưa đá đầu xuân, khiến sản lượng toàn tỉnh dự kiến chỉ đạt khoảng **27.000 tấn**, bằng một nửa so với năm bình thường. Dù sản lượng thấp, số quả ít hơn giúp mận phát triển lớn hơn, nhiều quả đạt kích thước bằng quả bóng bàn. Vụ thu hoạch sẽ kéo dài đến cuối tháng 6, sau đó mận Nanko được vận chuyển tới các thị trường trên khắp Nhật Bản.

Nguồn: [Nongnghiepmoitruong.vn](http://Nongnghiepmoitruong.vn)

# Rau quả



Tin liên quan

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN

### **Nhật Bản bổ sung bông cải xanh vào danh mục rau thiết yếu sau 52 năm**

Từ tháng 4/2026, Nhật Bản đưa bông cải xanh vào danh mục rau thiết yếu, cho phép nông dân nhận hỗ trợ khi giá giảm mạnh nhằm ổn định sản xuất. Nhu cầu tiêu thụ bông cải xanh tại Nhật tăng nhanh nhờ giá trị dinh dưỡng cao và xu hướng quan tâm sức khỏe, với mức tiêu thụ bình quân đầu người tăng từ 540 gram năm 1990 lên 1.619 gram năm 2022.

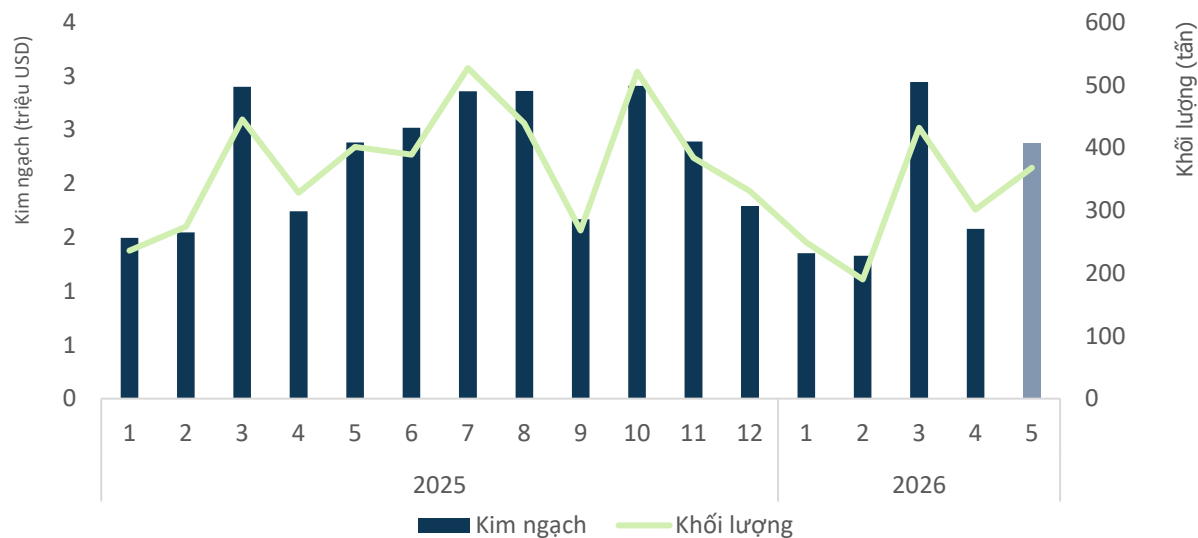
Dù tổng tiêu thụ rau tại Nhật còn thấp hơn khuyến nghị, bông cải xanh đã trở thành thực phẩm quen thuộc trong khẩu phần ăn. Nhật Bản duy trì nguồn cung quanh năm nhờ phối hợp sản xuất giữa các vùng, sử dụng nhiều giống và công nghệ bao bì giữ tươi, song vẫn đối mặt thách thức thiếu lao động kế cận.

Nguồn: Vinanet.vn



# HỒ TIÊU

## Khối lượng và giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

**KIM NGẠCH**  
**2,4** triệu USD



Tăng **50,6%** so với T4/2026

Giảm **0,2%** so với T5/2025

Cao hơn **121,7** nghìn USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ 5 tháng đầu năm 2026 đạt **9,6** triệu USD, đạt **35%** kim ngạch 2025

**KHỐI LƯỢNG**  
**368** tấn



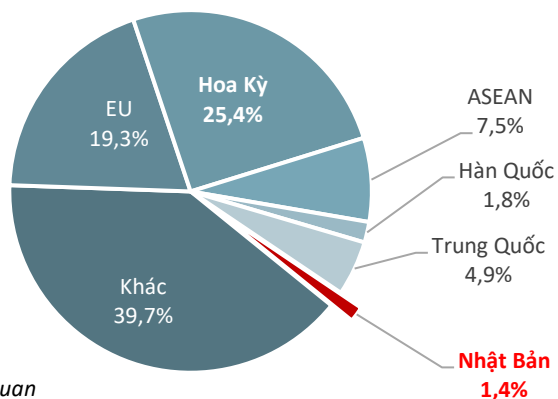
Giảm **30,3%** so với T4/2026

Giảm **8,0%** so với T5/2025

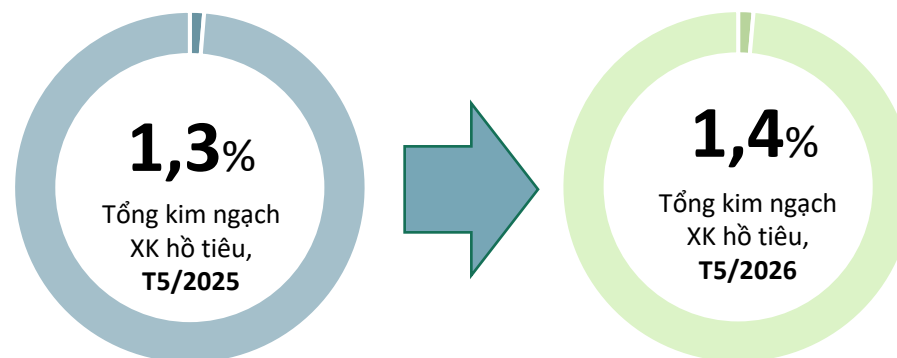
Thấp hơn **11** tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ 5 tháng đầu năm 2026 đạt **1,5** nghìn tấn, đạt **34%** khối lượng năm 2025

## Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



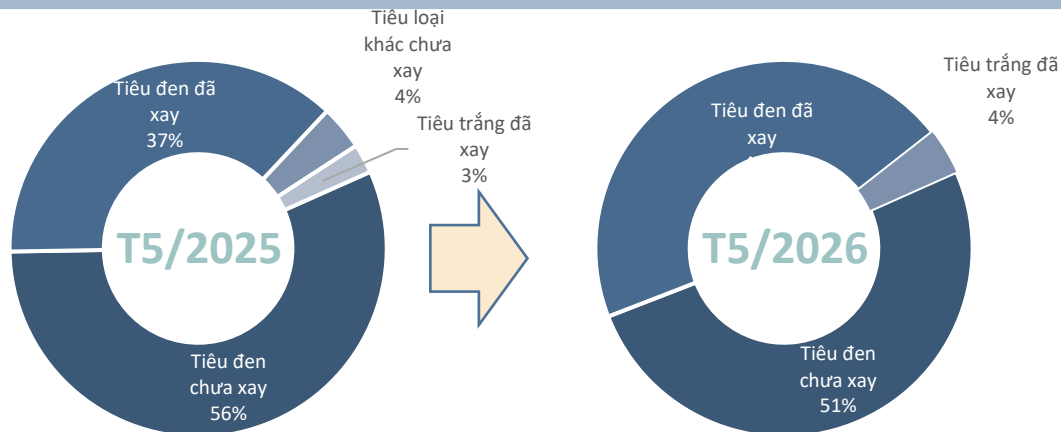
## Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của VN sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



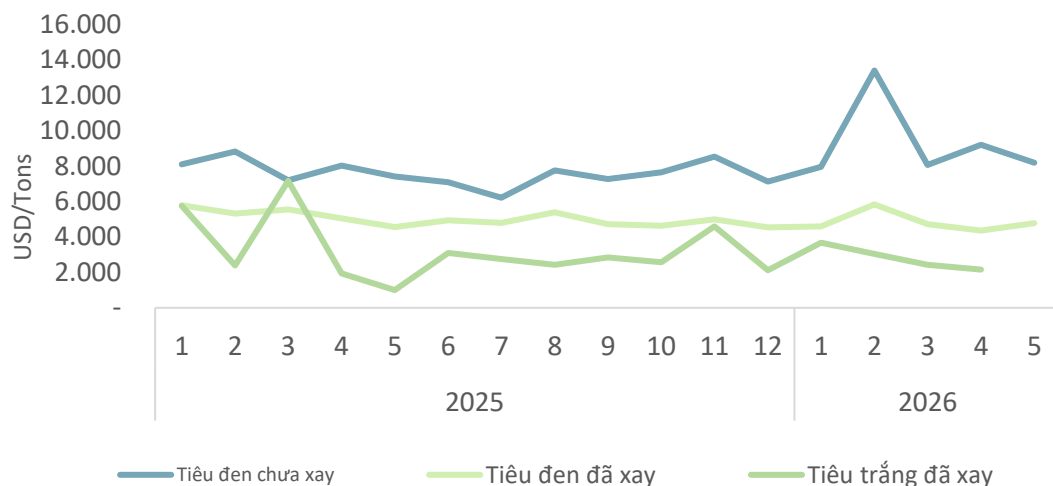


# HỒ TIÊU

## Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



### Tiêu đen chưa xay

Kim ngạch: **1,15** triệu USD  
 Tăng **194%** so với T4/2026  
 Giảm **14%** so với T5/2025



### Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **1,03** triệu USD  
 Tăng **36%** so với T4/2026  
 Tăng **16%** so với T5/2025

### Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **8.189** USD/tấn; giảm **11,1%** so với tháng trước; và tăng **10,49%** so với cùng kỳ năm 2025.

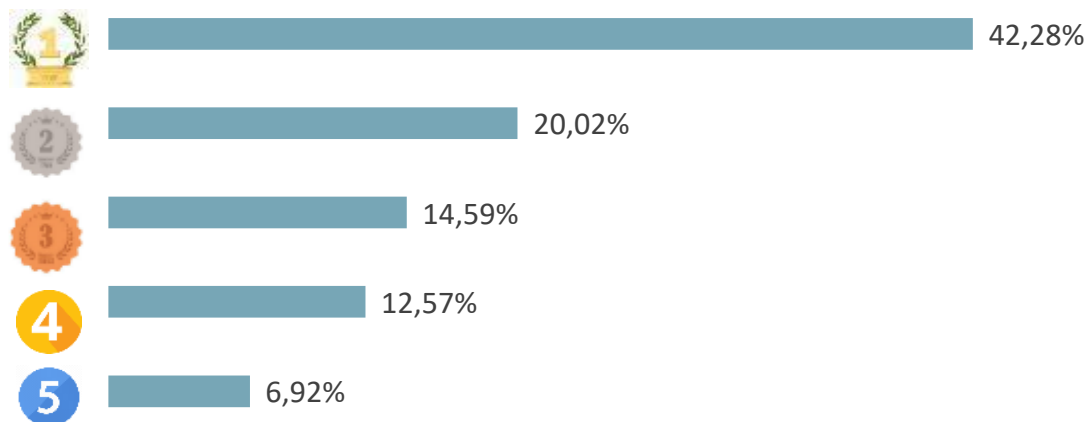
### Tiêu đen đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T5/2026 ở mức **4.774** USD/tấn; tăng **9,6%** so với tháng trước; và tăng **4,62%** so với cùng kỳ năm 2025.

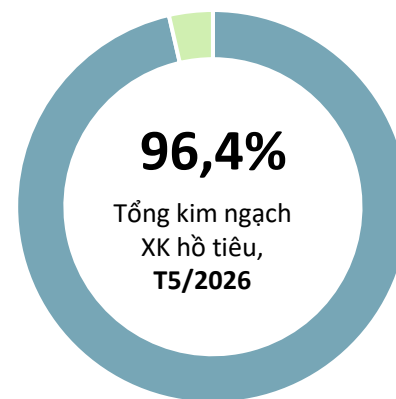


# HỒ TIÊU

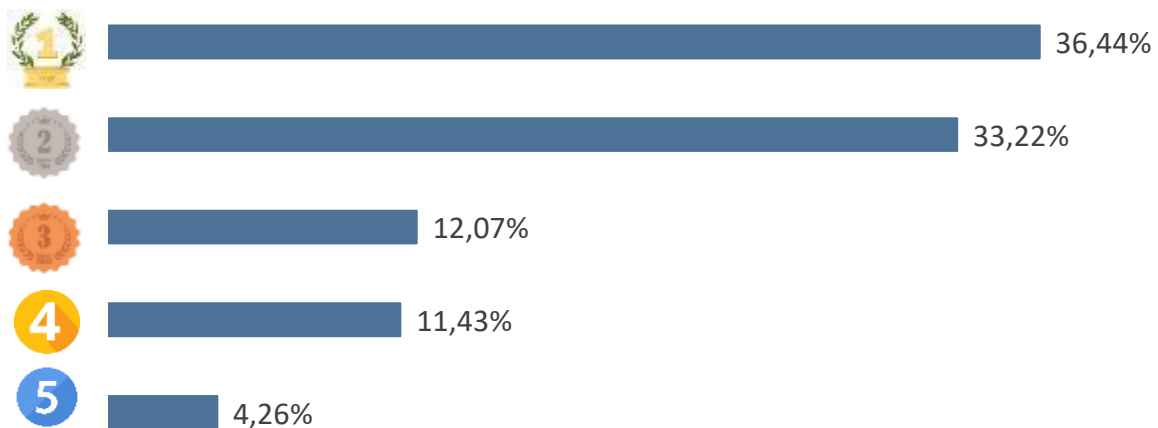
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



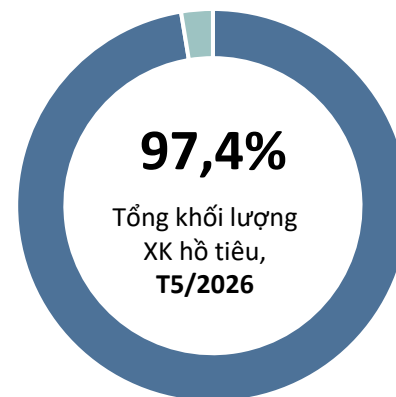
## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



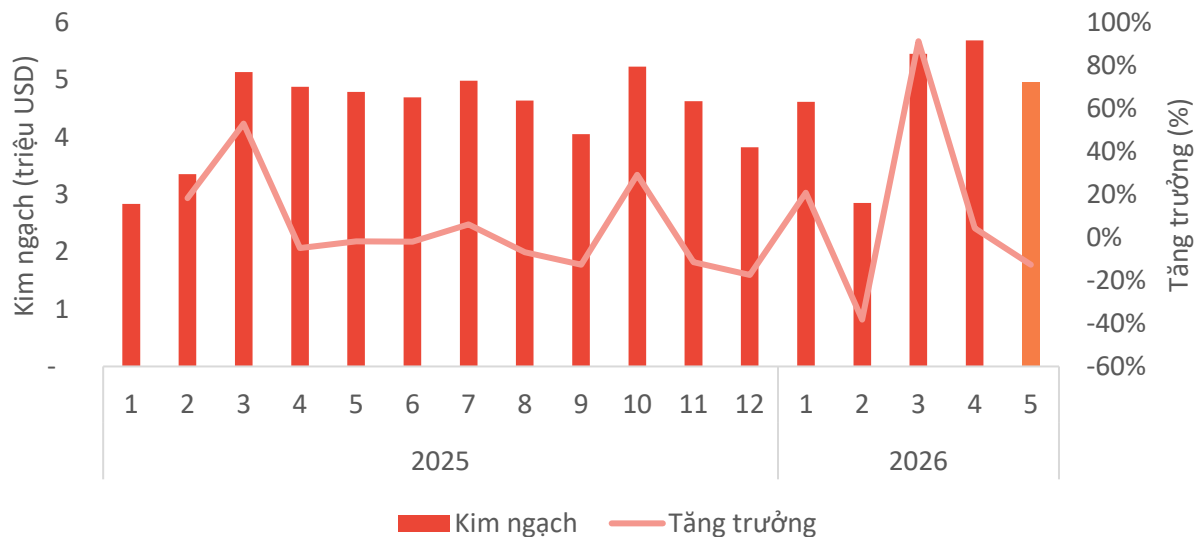
## Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



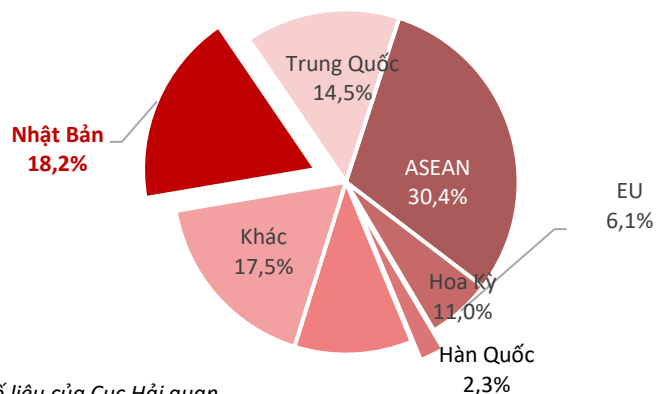


# THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

## Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

## Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T5/2026

### KIM NGẠCH



**4,97**  
triệu USD

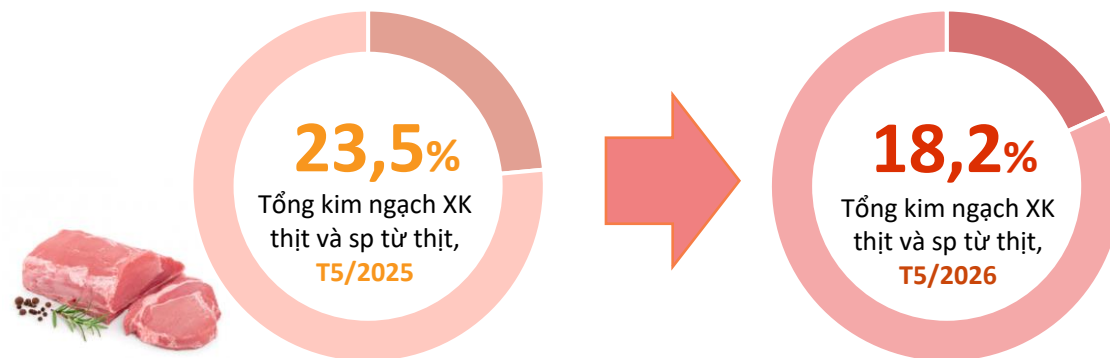
Giảm **12,6%** so với T4/2026

Tăng **3,7%** so với T5/2025

Cao hơn **547,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ 5 tháng đầu năm 2026 đạt **23,6 triệu USD**, đạt **44,5%** kim ngạch năm 2025

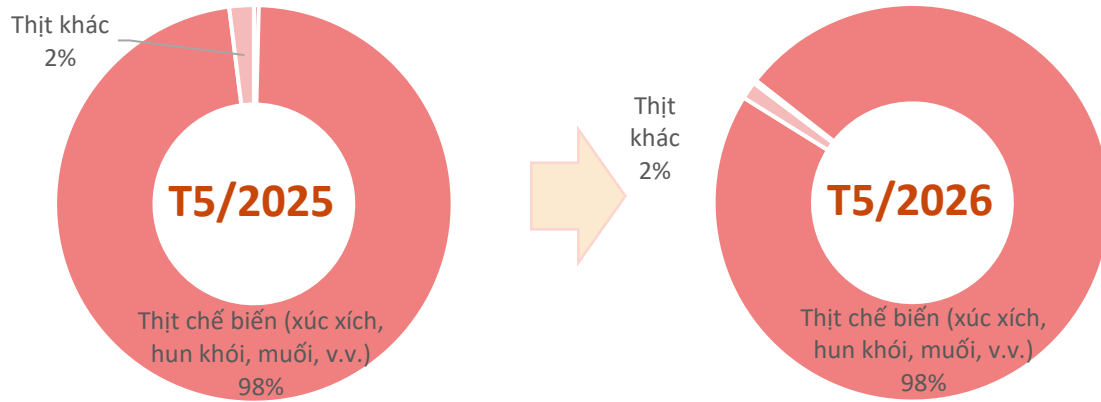
## Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



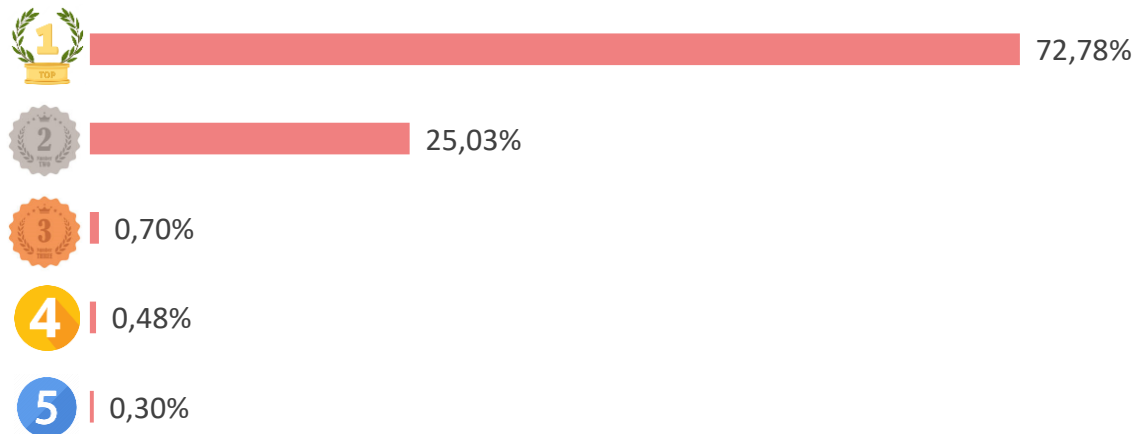


# THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

## Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



## Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T5/2026



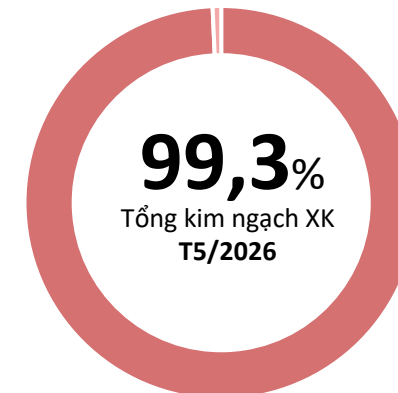
### Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **4,89** triệu USD

Giảm **1,5%** so với T4/2026

Tăng **4%** so với T5/2025

## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T5/2026





# THỊT VÀ SP TỪ THỊT

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT NHẬT BẢN



Theo Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Brazil (MAPA), Nhật Bản là thị trường có mức độ phụ thuộc lớn vào thịt bò nhập khẩu, với khoảng 70% lượng thịt bò tiêu thụ đến từ nguồn cung bên ngoài, tương đương quy mô nhập khẩu khoảng 4 tỷ USD mỗi năm. Hiện nay, khoảng 80% thịt bò nhập khẩu của Nhật Bản có nguồn gốc từ Hoa Kỳ và Australia, hai nhà cung cấp truyền thống của thị trường này.

*Nguồn: [beefpoint.com.br](http://beefpoint.com.br)*



Tin liên quan



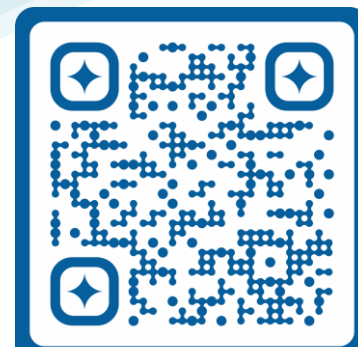
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [thongtinthitruong@ipsard.gov.vn](mailto:thongtinthitruong@ipsard.gov.vn); [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo